

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC A – HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **2933/2025/DS-ST**

Ngày 19/11/2025

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Hách

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Cờ

Bà Vũ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Ngọc Long – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực A – Hà Nội.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A – Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hà Thanh – Kiểm sát viên.

Hôm nay, **ngày 19 tháng 11 năm 2025** tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực A – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2025 về “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 413/2025/QĐST-DS ngày 27/10/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S;

Địa chỉ trụ sở chính: Số X N, phường V, quận Z, Thành phố H (nay là phường X, Thành phố H).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Tạ Quang T - Chức vụ: Trưởng Phòng giao dịch H – Ngân hàng TMCP S, theo quyết định số 4039/2024/QĐ-PC ngày 27/12/2024 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Đại diện tham gia tố tụng tại toà án: Ông Đinh Văn C – Chuyên viên khách hàng PGD H – Ngân hàng TMCP S– Chi nhánh T.

Địa chỉ: Số A Đường T1, phường C, quận H, Thành phố H1 (nay là phường H, Thành phố H1). (Có mặt)

- Bị đơn: Bà Trương Thị Thanh M, sinh năm 1976.

Nơi ĐKKHKT và nơi cư trú: P104B D5 tập thể T, Đ, H1 (nay là phường K, Thành phố H1). (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/4/2025 và các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP S (S1) trình bày:

Ngày 07/6/2019, bà Trương Thị Thanh M có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của khách hàng, Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng S1 Cashback 436438-0014 với hạn mức sử dụng là 110.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Thanh M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 11.120.361.502 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Thanh M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 10.584.879.215 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Thanh M vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Thanh M vi phạm nghĩa vụ thanh

toán (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà M và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 19/11/2025, bà Thanh M còn nợ tổng số tiền là 572.856.367 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi hai triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng*).

Trong đó: - Nợ gốc: 400.423.392 đồng.

- Lãi quá hạn: 172.432.975 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà Thanh M có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà Thanh M vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng TMCP S (S1) đề nghị Toà án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc bà Trương Thị Thanh M phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền thẻ tín dụng tạm tính đến ngày 19/11/2025 là 572.856.367 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi hai triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng*).

Trong đó: Nợ gốc: 400.423.392 đồng; Lãi quá hạn: 172.432.975 đồng.

2. Bà Thanh M có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 20/11/2025 cho đến khi trả dứt nợ thẻ tín dụng theo lãi suất quy định tại Hợp đồng và thanh toán toàn bộ án phí, chi phí phát sinh trong quá trình tố tụng (nếu có).

Trong quá trình tiến hành giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho bà Trương Thị Thanh M biết Tòa án đã thụ lý vụ án “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” do Ngân hàng TMCP S (S1) khởi kiện đối với bà Trương Thị Thanh M và triệu tập bà M đến Tòa để giải quyết vụ án, tuy nhiên bà M không đến Tòa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự giải quyết vụ án. Do đó Tòa án không thể tiến hành việc đối chất,

kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng TMCP S (S1) vẫn giữ nguyên yêu cầu và đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội buộc bà Trương Thị Thanh M thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày **19/11/2025 là 572.856.367** đồng (*Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi hai triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng*), trong đó: Nợ gốc: 400.423.392 đồng; Lãi quá hạn: 172.432.975 đồng.

Lý do về việc ngân hàng tăng hạn mức thẻ tín dụng cho khách hàng:

- Phần “CAM KẾT” tại GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ TÍN DỤNG KIÊM HỢP ĐỒNG CỦA NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN có nêu: "Bằng việc ký vào Giấy đề nghị này, tôi/chúng tôi xác nhận rằng tôi/chúng tôi đã đọc và đồng ý bị ràng buộc bởi điều khoản và điều kiện của thẻ tín dụng và cùng với giấy đề nghị này, tạo nên một hợp đồng chi phối việc phát hành và sử dụng thẻ tín dụng S1 có tính ràng buộc về mặt pháp lý giữa tôi/chúng tôi và S1. Tôi/chúng tôi chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ và trách nhiệm phát sinh liên quan đến việc sử dụng thẻ tín dụng mà tôi/chúng tôi đã được cấp.

- Trong “ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ CÁ NHÂN CỦA NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN THƯƠNG TÍN”, tại điểm c, khoản 2.1, mục 2. Quyền của S1 có nêu “S1 luôn bảo lưu và có toàn quyền quyết định: Tăng hoặc giảm Hạn mức”. Ngày 07/06/2019, bà Trương Thị Thanh M có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của khách hàng, Ngân hàng đã đồng ý cấp 01 thẻ tín dụng S1 Cashback 436438-0014 với hạn mức sử dụng là 110.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Ngày 28/10/2020, Ngân hàng TMCP S đã

nâng hạn mức tín dụng tự động cho KH Trương Thị Thanh M từ 110 triệu đồng lên 176 triệu đồng, Ngày 09/01/2023, Ngân hàng TMCP S đã nâng hạn mức tín dụng tự động cho KH Trương Thị Thanh M từ 176 triệu đồng lên 352 triệu đồng.

Tại phiên tòa bà Trương Thị Thanh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội nhận định, đánh giá tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP S và bà Trương Thị Thanh M có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc bà Trương Thị Thanh M có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi của Hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 19/11/2025 là 572.856.367 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi hai triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng*), trong đó: Nợ gốc: 400.423.392 đồng; Lãi quá hạn: 172.432.975 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 20/11/2025 cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án dân sự này là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trương Thị Thanh M có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại P104B D5 tập thể T, Đ, Hà Nội (nay là phường K, Thành phố Hà Nội). Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội theo điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, triệu tập bà Trương Thị Thanh M đến tham gia phiên tòa, thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự tại phiên tòa nhưng bà M vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trương Thị Thanh M là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ký ngày 07/6/2019 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S) giữa Ngân hàng TMCP S và bà Trương Thị Thanh M được các bên ký trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy xác định là Hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành với các bên. Sau khi được cấp thẻ tín dụng theo Hợp đồng đã ký kết, bà M đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 11.120.361.502 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 10.584.879.215 đồng. **Ngân hàng xác nhận tạm tính đến ngày 19/11/2025 bà M còn nợ Ngân hàng số tiền là 572.856.367 đồng (Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi hai triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng)**, trong đó: Nợ gốc: 400.423.392 đồng; Lãi quá hạn: 172.432.975 đồng. Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà M phải thanh toán trả Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

[3.1]. Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc: 400.423.392 đồng của Ngân hàng S1 đối với bà Trương Thị Thanh M, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của bà Trương Thị Thanh M với Ngân hàng TMCP S (S1) đủ cơ sở xác nhận bà M còn nợ Ngân hàng S1 số tiền nợ gốc là: 400.423.392 đồng nên việc Ngân hàng S1 đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà M phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền nợ gốc trên là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3.2]. Xét yêu cầu thanh toán tiền lãi của Ngân hàng S1 đối với bà Trương Thị Thanh M từ khi vi phạm tạm tính đến ngày 19/11/2025 với số tiền lãi quá hạn: 172.432.975 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 07/6/2019 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S, hai bên thoả thuận: lãi suất theo quyết định của Ngân hàng S từng thời kỳ. Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân, lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại phù hợp với cách tính lãi đối với toàn bộ dư nợ. Trong đó, lãi suất đối với khách hàng được xác định theo kì hạn từ 2 tháng đến 5 tháng là 1,50%/tháng và kì hạn từ 6 tháng đến 60 tháng là 1,40%/tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trương Thị Thanh M đã thanh toán được cho Ngân hàng S1 tổng số tiền là 10.584.879.215 đồng. Ngân hàng xác định bà M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà M và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là đúng quy định của hợp đồng. Ngân hàng S1 đã cung cấp quyết định ban hành biểu phí, các biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ, các phụ lục về lãi suất, phí, kì hạn dịch vụ vay tiêu dùng và bản tóm tắt sao kê của bà Trương Thị Thanh M là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2010,

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP S buộc bà Trương Thị Thanh M phải thanh toán số tiền nợ lãi quá hạn là **172.432.975** đồng.

Như vậy, Số tiền nợ gốc là lãi quá hạn bà Trương Thị Thanh M phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S (S1) tính đến ngày 19/11/2025 là **572.856.367** đồng (*Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi hai triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng*), trong đó: Nợ gốc: 400.423.392 đồng; Lãi quá hạn: 172.432.975 đồng.

Về án phí: Ngân hàng TMCP S (S1) được chấp nhận yêu cầu nên không phải chịu án dân sự sơ thẩm. Bà Trương Thị Thanh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ các Điều 463, 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S (S1) đối với bà Trương Thị Thanh M về việc thanh toán số tiền chậm trả theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng.

Xác nhận bà Trương Thị Thanh M còn nợ Ngân hàng TMCP S số tiền nợ là **572.856.367** đồng (*Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi hai triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng*), trong đó: Nợ gốc: 400.423.392 đồng; Lãi quá hạn: 172.432.975 đồng.

Buộc bà Trương Thị Thanh M phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S (S1) toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi là **572.856.367** đồng (*Bằng chữ: Năm trăm bảy mươi hai triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi bảy đồng*).

[2]. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xử án sơ thẩm, bà Trương Thị Thanh M phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thi hành xong khoản nợ. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3]. Về án phí: Ngân hàng S1 được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng S1 số tiền 11.330.288 đồng (Mười một triệu ba trăm ba mươi nghìn hai trăm tám mươi tám đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001871 ngày 25/7/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 – Hà Nội.

Bà Trương Thị Thanh M phải **chịu 26.914.254 đồng** án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện của nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Trương Thị Thanh M vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Khu vực A – Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực A – Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Công Hách